

Số: 136/BC-STP

An Giang, ngày 09 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 518/SKHCN-KHTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc thẩm định dự thảo Tờ trình, Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Dự thảo Nghị quyết quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi xây dựng dự toán, quản lý, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hoạt động thẩm định, có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Các nội dung chi từ nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh An Giang để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia, cấp Bộ được thực hiện theo mức chi tương ứng tại Quy định này.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ; cơ quan có thẩm quyền thẩm định, có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.”

Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh các nội dung sau:

a) Dự thảo Nghị quyết quy định “nội dung, mức chi” nhưng Phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định “nội dung, mức chi xây dựng dự toán, quản lý, quyết toán kinh phí”, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh quy định dự thảo Nghị quyết thống nhất, phù hợp hơn.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo xác định “hoạt động thẩm định, có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước” có phải là nhiệm vụ khoa

học và công nghệ không, nếu phải, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ này do thừa.

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự phù hợp của điểm b khoản 1.

d) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát cụm từ “*cơ quan có thẩm quyền thẩm định, có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư*” tại khoản 2 đã đầy đủ chưa.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Tại Điều 2 của Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (có hiệu lực ngày 26 tháng 02 năm 2023) quy định:

“Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Căn cứ quy định tại Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là các bộ, cơ quan trung ương) và các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý để thực hiện thống nhất trong phạm vi bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan trung ương, địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này.

Trong trường hợp cần thiết, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung một số nội dung và mức chi ngoài các nội dung, định mức chi quy định tại Thông tư này để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tế và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.”

Tại Điều 21 của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước quy định:

“Điều 21. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách

...

2. Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ.

3. Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu

do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp....”.

Tại khoản 1, 2 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên. ...”.

Căn cứ quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang **là cần thiết và đúng thẩm quyền.**

3. Dự thảo Nghị quyết

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo đánh số trang theo quy định tại Điều 76 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“Điều 76. Khổ giấy, định lề trang văn bản, phong chữ, đánh số trang văn bản

...

Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. Số trang của phụ lục được đánh số riêng theo từng phụ lục.”

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày Quốc hiệu, tên cơ quan ban hành văn bản và Số, ký hiệu văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 57 và điểm c, d khoản 4 Điều 58 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 56. Quốc hiệu và Tiêu ngữ

1. Quốc hiệu là: “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM”. Quốc hiệu được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ từ 12 đến 13, kiểu chữ đứng, đậm và ở phía trên cùng, bên phải trang đầu tiên của văn bản.

Điều 57. Tên cơ quan ban hành văn bản

2. Tên cơ quan ban hành văn bản được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 13, phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng từ 1/3 đến 1/2 độ dài của dòng chữ và đặt ở giữa, cân đối so với dòng chữ.

Điều 58. Số, ký hiệu văn bản

4. Số, ký hiệu của văn bản được trình bày như sau:

c) Từ “Số” được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng; sau từ “Số” có dấu hai chấm (:); với những số nhỏ hơn 10 phải ghi thêm số 0 phía trước;

d) Ký hiệu của văn bản được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng;”

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh **thống nhất** cách trình bày trong toàn bộ dự thảo Nghị quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 62 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“Điều 62. Bố cục của văn bản

4. ...; khoảng cách giữa các đoạn văn đặt tối thiểu là 6pt; khoảng cách giữa các dòng hay cách dòng chọn tối thiểu từ cách dòng đơn hoặc từ 15pt trở lên.”

d) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh phần thẩm quyền ban hành như sau:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ ...**

đ) Căn cứ ban hành

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh căn cứ thứ 1, 3, 6, 8 và Theo Tờ trình như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm

vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.”

e) Đề nghị bỏ Điều 2 do thừa.

g) Điều 3

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát tên Điều đã phù hợp chưa (theo góp ý tại khoản 1 của Báo cáo này); đồng thời, tại Điều 3 này quy định về dự toán và các nội dung chi, mức chi nên tên Điều 3 là chưa đầy đủ, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên Điều đầy đủ hơn. Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh tên dự thảo Nghị quyết phù hợp với nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết.

Tại khoản 2 Điều 8 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 8. Ngôn ngữ, kỹ thuật văn bản quy phạm pháp luật

2. Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác.”

Nhằm đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định Điều 3 phù hợp (không quy định lại những nội dung đã được quy định cụ thể, rõ ràng tại các văn bản Trung ương, chỉ quy định những nội cần thiết – cần xác định nội dung cần quy định có phải là định mức chi).

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cụm từ “*tối đa không quá*” thành từ “*không quá*” hoặc “*tối đa*”; điều chỉnh từ “*Nghị Quyết*” thành “*Nghị quyết*”; bổ sung từ “*Bộ trưởng*” trước từ “*Bộ*” trong tên Thông tư.

Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ khoản 9 do thừa.

Đề nghị cơ quan soạn thảo lấy ý kiến thống nhất của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan về các nội dung chi, mức chi và các định mức dự toán tại dự thảo Nghị quyết.

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày viện dẫn theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

...

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 75 như sau:

“1... Trong lần viên dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó.””

h) Khoản 1, 2 Điều 3

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát định mức dự toán tại điểm a khoản 1 Điều 3 đã phù hợp chưa (định mức chi tối đa cấp tỉnh ít hơn cấp quốc gia là 10%; cấp cơ sở ít hơn cấp tỉnh là 50%). Đồng thời, đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày nhằm quy định rõ ràng hơn (việc quy định tại dự thảo bị lặp từ và dễ gây nhầm lẫn). Bên cạnh đó, định mức chi tối đa của chức danh chủ nhiệm có sự phân biệt giữa các cấp nhưng định mức chi tối đa của các nhóm chức danh khác thì không có sự phân biệt mà áp dụng chung 1 mức cho các cấp là phù hợp không.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát mức dự toán tại điểm a khoản 2 Điều 3 có phù hợp với quy định tại Điều 3 của Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

i) khoản 3 Điều 3

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày quy định đối với nội dung từ cụm từ *“Ngoài ra, quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:...”* đến hết khoản 3 thành 1 khoản riêng biệt.

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh thống nhất từ ngữ trong bảng quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao, cụ thể: *“Hội thảo”* hay *“hội thảo”*; bổ sung cụm từ *“Đơn vị tính”* trước cụm từ *“100 đồng”*; thực hiện quy ước viết tắt đối với cụm từ *“KH&CN”* trước khi viết tắt; rà soát từ *“Buổi Hội thảo”* tại cột *“Đơn vị tính”* là phù hợp chưa; rà soát cụm từ *“Người chủ trì hội thảo”* là đầy đủ chưa.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát mức chi tại số thứ tự thứ 2, 4, 5 của bảng quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao nhằm đảm bảo thống nhất về tỷ lệ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3.

k) Khoản 6 Điều 3

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát cụm từ *“4,5% tổng dự toán kinh phí”*, nội dung này không phải quy định về mức chi cụ thể, nên việc giảm 10% là cần thiết không.

l) Khoản 8 Điều 3

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát mức chi tại điểm a, b, c nhằm đảm bảo thống nhất với quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và thống nhất với toàn bộ dự thảo Nghị quyết.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát từ “*ủy viên*” tại bảng quy định mức chi đã phù hợp với quy định tại Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ không.

Đề nghị cơ quan soạn thảo nêu cơ sở mức chi của hàng thứ 5, 6 điểm a; hàng thứ 5 tại điểm b khoản này và cơ sở quy định nội dung chi tại hàng thứ 6 điểm a, điểm đ khoản này.

Đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình lý do “*thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư*” được xem là nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại dự thảo Tờ trình. Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát cụm từ “*Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư*” là phù hợp chưa.

m) Điều 4

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát điểm b khoản 2 là phù hợp chưa.

Đề nghị cơ quan soạn thảo lấy ý kiến thống nhất của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan.

n) Điều 6

Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ khoản 2 do thừa.

4. Dự thảo Tờ trình

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày dự thảo Tờ trình như góp ý tại khoản 3 của Báo cáo này và điều chỉnh cách trình bày các Mục theo Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

b) Mục I

Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày cụ thể hơn lý do quy định đối với nội dung chi và mức chi thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư tại dự thảo Nghị quyết (chứng minh việc “*thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư*” là nhiệm vụ khoa học và công nghệ).

c) Mục III

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết phù hợp hơn (phù hợp với quy trình xây dựng văn bản).

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh từ “*thẩm tra*” thành “*thẩm định*”; điều chỉnh chính xác tên dự thảo Nghị quyết; đề xuất bỏ cụm từ “*để triển khai áp dụng tại địa phương*”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh chính xác số cơ quan góp ý theo Bảng Tổng hợp ý kiến góp ý (16 hay 18); đồng thời, rà soát và trình bày phù hợp

nội dung “...Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, giải trình các ý kiến tại Báo cáo giải trình và tiếp thu ý kiến (đính kèm). Đồng thời, điều chỉnh, bổ sung các nội dung phù hợp, đúng quy định và hoàn chỉnh dự thảo

Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang”, do theo Bảng tổng hợp ý kiến góp ý thì 18 cơ quan đều thống nhất dự thảo (không có ý kiến đóng góp nên việc tiếp thu ý kiến là không phù hợp).

d) Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày bố cục và nội dung cơ bản cụ thể, phù hợp hơn.

đ) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh nội dung tại Mục V thành Mục IV và chỉ trình bày những nội dung chưa thống nhất cần xin ý kiến.

e) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh phần VI vào phần IV; đồng thời, điều chỉnh thống nhất cách trình bày tại điểm b, c (ký hiệu thứ tự các lý do là (i), (ii),... hay (1), (2),...).

g) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh phần cuối của dự thảo Tờ trình theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

h) Để đảm bảo thống nhất trong cách trình bày văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, thống nhất sử dụng cụm từ “UBND” hay “Ủy ban nhân dân”. Nếu sử dụng cụm từ “UBND”, đề nghị cơ quan soạn thảo quy ước viết tắt theo quy định tại khoản 4 Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 69. Sử dụng ngôn ngữ trong văn bản

4. Từ ngữ viết tắt chỉ được sử dụng trong trường hợp cần thiết và phải giải thích nội dung của từ ngữ đó tại lần xuất hiện đầu tiên trong văn bản.

Đối với văn bản sử dụng nhiều từ viết tắt, cần quy định riêng một điều giải thích toàn bộ các từ viết tắt trong văn bản.”

i) Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ Mục V, VI và điều chỉnh phần cuối của dự thảo Tờ trình nhằm phù hợp với quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể:

“Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định ..., Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./

(Xin gửi kèm theo:... (6)).”

k) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cỡ chữ tại phần ký tên (13.5 thành 14)

5. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cách trình bày dự thảo Báo cáo theo góp ý tại khoản 3, 4 của Báo cáo này và theo Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh chính xác tên các văn bản được viện dẫn tại dự thảo Báo cáo.

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại những nội dung nào cần báo cáo đánh giá tác động của chính sách nhằm tạo điều kiện cho việc đánh giá tác động của chính sách có chất lượng và đúng theo quy định.

Theo đó, việc xác định vấn đề bất cập (đầu tiên) và các nội dung còn lại như bối cảnh xây dựng chính sách, giải pháp đề xuất là chưa phù hợp, trùng khớp về nội dung. (dự thảo Nghị quyết có 02 nội dung: Thứ nhất, quy định về nội dung chi, mức chi, định mức dự toán cụ thể áp dụng tại địa phương – thực hiện quy định chi tiết; Thứ hai, quy định nội dung chi và mức chi của hoạt động thẩm định, có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước – nội dung này là chính sách và cần báo cáo đánh giá tác động).

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện việc đánh giá tác động của chính sách theo đúng quy định tại Điều 6, 7 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

d) Đề xuất cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung khái quát về đặc điểm của tỉnh tại Mục I nhằm làm nổi bật và rõ ràng hơn bối cảnh xây dựng chính sách.

đ) Tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định:

“Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2. Đánh giá tác động của chính sách là việc phân tích, dự báo tác động của chính sách đang được xây dựng đối với các nhóm đối tượng khác nhau nhằm lựa chọn giải pháp tối ưu thực hiện chính sách.”

Theo quy định trên, báo cáo đánh giá tác động cần có sự phân tích, đánh giá đối với chính sách được xây dựng, đồng thời, việc đánh giá tác động của giải pháp chưa cụ thể, chưa làm nổi bật sự ưu việt của giải pháp được chọn. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung, đánh giá cụ thể, rõ ràng, trong đó, có so sánh, đánh giá giữa việc ban hành và không ban hành chính sách có ảnh hưởng, tác động như thế nào đối với tình hình chung; giữa các giải pháp được đưa ra và việc chọn một trong các giải pháp đã đề ra có tính ưu việt như thế nào đối với giải pháp không được chọn; đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung các nội dung đánh giá tác động các chính sách đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 114 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 114. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết

2. Nội dung đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ vấn đề cần giải quyết; mục tiêu ban hành chính sách; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do lựa chọn; xác định vấn đề giới và tác động giới của chính sách.”

e) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát cụm từ “Quy trình, thủ tục chi và thanh quyết toán cho hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư khá phức tạp, tốn nhiều thời gian” tại điểm b tiêu mục 4.2 là phù hợp không, theo đó, trong trường hợp áp dụng giải pháp 2 thì quy trình, thủ tục chi và thanh quyết toán có không phức tạp và tốn nhiều thời gian như giải pháp 1 không; đồng thời giải thích thêm lý do đối với nội dung “Định mức chi tăng thì số lượng nhiệm vụ được triển khai ít.”.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Công thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

GIÁM ĐỐC

Cao Thanh Sơn